

GIỚI THIỆU CHUNG

1. GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2

1.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa môn Tự nhiên và Xã hội ở cấp Tiểu học nói chung và ở lớp 2 nói riêng

a. Đảm bảo sự phù hợp với mục tiêu giáo dục tiểu học và chương trình môn học

Sách giáo khoa (SGK) môn Tự nhiên và Xã hội nói chung và ở lớp 2 nói riêng được biên soạn theo định hướng góp phần hình thành, phát triển ở học sinh (HS) các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung quy định trong Chương trình tổng thể. Đồng thời, đáp ứng các yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn học như: năng lực Nhận thức khoa học, năng lực Tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh và năng lực Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Bên cạnh đó, thông qua các hoạt động học tập, sách góp phần hình thành và phát triển ở HS tiểu học tình yêu con người, thiên nhiên, đức tính chăm chỉ; ý thức bảo vệ sức khỏe của bản thân, gia đình, cộng đồng; ý thức tiết kiệm, giữ gìn, bảo vệ tài sản; tinh thần trách nhiệm với môi trường sống.

b. Chú trọng quan điểm dạy học tích hợp

Tiếp cận quan điểm dạy học tích hợp, SGK Tự nhiên và Xã hội 2 được xây dựng theo cấu trúc chủ đề. Nội dung các chủ đề xoay quanh mối quan hệ giữa Tự nhiên – Con người – Xã hội trong một thể thống nhất, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó con người là trung tâm của các mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội. Cấu trúc này tạo điều kiện thuận lợi để người học có nhiều cơ hội hơn trong việc vận dụng, gắn kết kiến thức bài học với thực tiễn, nâng cao năng lực giải quyết vấn đề.

Bên cạnh đó, sách còn chú trọng khai thác mối quan hệ tích hợp liên môn giữa chương trình môn Tự nhiên và Xã hội với các môn học khác, đặc biệt là môn Tiếng Việt, Đạo đức, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật và Hoạt động trải nghiệm. Mối quan hệ này được thể hiện thông qua sự phối hợp giữa nội dung và gợi ý thể hiện cách thức tham gia và thực hiện các hoạt động học tập của người học.

c. Nhấn mạnh đến quan điểm lấy người học là trung tâm, chú trọng phát triển phẩm chất và năng lực cho người học

Các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm được tiếp cận và khai thác tối đa thông qua nội dung các bài học của sách. Bên cạnh đó, để góp phần hình thành và phát triển năng lực cho người học, các bài học trong sách tiếp cận tối đa quá trình gắn kiến thức, kĩ năng khoa học của môn học vào thực tiễn.

Các nhóm năng lực chung: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo cũng được định hướng và phát triển thông qua những gợi ý về nội dung và cách thức tổ chức dạy học trong sách. Những gợi ý này được thể hiện dưới nhiều hình thức trình bày hấp dẫn thông qua các sơ đồ, tranh ảnh mô tả, hướng dẫn và gợi ý hoạt động học tập của HS. Đặc biệt, các nhóm năng lực đặc thù của môn Tự nhiên và Xã hội cũng được khai thác và phát triển tối đa qua việc thể hiện cấu trúc và tổ chức các hoạt động học tập gắn với các biểu hiện đặc thù của môn học; người học được tạo cơ hội tối đa để phát triển, đặc biệt là năng lực tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề.

d. Đảm bảo tính thực tiễn và xoay quanh các mối quan hệ gần gũi, thân quen với học sinh tiểu học

Trong lịch sử phát triển của môn Tự nhiên và Xã hội, tính gần gũi và gắn bó với cuộc sống hằng ngày là một trong các đặc điểm cơ bản được nhấn mạnh. Chính vì thế, khi biên soạn SGK môn Tự nhiên và Xã hội thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo của NXBGDVN, tính thực tiễn được phát huy tối đa qua việc tìm kiếm ngữ liệu, nhân vật và thể hiện nội dung bài học.

Thông qua các câu chuyện của một số nhân vật đang học lớp 2 xảy ra trong mối quan hệ của HS với gia đình, nhà trường, cộng đồng và môi trường tự nhiên, sách mang đến cho HS cách tiếp nhận tri thức khoa học nhẹ nhàng. Một vài nhân vật đi xuyên suốt trong cả cuốn sách tạo không gian thân quen, gần gũi và tạo hứng thú cho HS. Qua đó, người học có cơ hội phát triển năng lực tìm hiểu, khám phá thế giới tự nhiên và nâng cao năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng được học để giải quyết các vấn đề gắn với các tình huống quen thuộc của thực tiễn.

e. Đảm bảo tính đa dạng, phù hợp với nhiều học sinh ở các vùng miền khác nhau

Dù sinh hoạt của mỗi HS thường gắn với một không gian địa lí nhất định theo vùng, miền, lãnh thổ, nhưng theo thời gian thì không gian học tập và các mối quan hệ của HS cũng được phát triển và mở rộng lên. Do đó, bên cạnh việc nhấn mạnh đến những yếu tố đặc trưng tiêu biểu của từng địa phương, vùng miền, SGK Tự nhiên và Xã hội còn đảm bảo hướng đến tính đa dạng. Sách giúp HS có cách tiếp cận mở đến các vùng, miền văn hoá khác nhau qua các bài học, đặc biệt là trong chủ đề về trường học, cộng đồng địa phương, Trái Đất và bầu trời.

f. Chú trọng tính mở, linh hoạt cho người dạy và người học

Nội dung sách được biên soạn theo hướng mở, tạo điều kiện thuận lợi cho người dạy và người học có thể cập nhật, bổ sung nội dung dạy học hoặc sử dụng các phương tiện dạy học phù hợp với thực tiễn, tận dụng các điều kiện thuận lợi, phù hợp của từng trường.

Mỗi bài học không quy định rõ hay phân chia từng tiết cụ thể mà chỉ định hướng nội dung bài dạy trong một tiết, hai tiết hoặc ba tiết. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên (GV) về việc linh hoạt tiến độ thực hiện bài học theo năng lực HS và điều kiện cụ thể của HS.

1.2. Những điểm mới của sách giáo khoa Tự nhiên và Xã hội 2

a. Sách được biên soạn theo mô hình hoạt động học và định hướng phát triển năng lực

Mỗi bài học trong SGK được trình bày theo logic tiến trình hoạt động học, đi từ khởi động, khám phá để hình thành năng lực, nhận thức, tìm hiểu khoa học đến năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học. Tiến trình học tập này không chỉ phù hợp với quy luật nhận thức chung mà còn gắn nội dung bài học với việc vận dụng, giải quyết vấn đề thực tiễn có liên quan. Đặc biệt, HS được tiếp cận nội dung bài học thông qua các hoạt động học tập gắn liền với các năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội, giúp HS hình thành và phát triển năng lực đặc thù một cách rõ ràng, cụ thể thông qua nội dung học tập, đồng thời, giúp GV dễ dàng nhận xét và đánh giá sự phát triển năng lực đặc thù của HS.

Bên cạnh đó, mỗi hoạt động trong SGK không chỉ có vai trò hướng dẫn, gợi ý HS thực hiện các hoạt động học tập mà còn gợi ý cho GV về việc tổ chức các hoạt động dạy học thông qua kênh chữ và kênh hình. Trong đó, nhiều bài học có sự kết hợp giữa kênh hình và kênh chữ thông qua bóng nói, bóng nghĩ nhằm thu hút, hấp dẫn HS (giúp sách có cách thể hiện giống truyện tranh, tạo sự thân thiết, gần gũi với HS tiểu học), đồng thời dẫn dắt, tạo sự tò mò, kích thích HS tư duy, khám phá, giúp sách tiếp cận thực tiễn và đi vào thực tiễn.

b. Cấu trúc và nội dung bài học được biên soạn theo hướng tích hợp giữa môn Tự nhiên và Xã hội với môn Tiếng Việt và môn Đạo đức

Trong hệ thống các môn học ở tiểu học theo chương trình GDPT mới, môn Tự nhiên và Xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với môn Tiếng Việt, môn Đạo đức và Hoạt động trải nghiệm. Phát triển mối quan hệ này, SGK môn Tự nhiên và Xã hội tăng cường tính tích hợp liên môn với môn Đạo đức và môn Tiếng Việt, thể hiện ngay trong cấu trúc và nội dung các bài học. Cuối mỗi bài học trong SGK Tự nhiên và Xã hội trước đây là một nội dung kiến thức khoa học trọng tâm mà HS cần biết và nhớ, thì trong SGK môn Tự nhiên và Xã hội thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo của NXBGDVN, HS không chỉ được nhấn mạnh và hệ thống lại nội dung kiến thức trọng tâm của bài mà còn được khắc sâu hơn những giá trị đạo đức, nhân văn thể hiện thông qua những câu thơ, câu văn ngắn gọn hoặc câu tục ngữ, ca dao dễ đọc, dễ nhớ.

Phần từ khoá cuối mỗi bài học: Đây là một số từ trọng tâm của bài học, giúp HS vừa làm quen với các thuật ngữ khoa học của môn học, vừa giúp các em củng cố và mở rộng vốn từ tiếng Việt của mình.

c. Tính thực tiễn được tăng cường và phát huy tối đa trong nội dung bài học và phương pháp tổ chức dạy học

Nội dung bài học trong SGK môn Tự nhiên và Xã hội thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo của NXBGDVN phát huy tối đa tính thực tiễn và sự gần gũi với HS. Người học hình thành các năng lực khoa học thông qua các câu chuyện, tình huống xoay quanh cuộc sống hằng ngày với những nhân vật phù hợp với độ tuổi của các em.

d. Chú trọng hướng dẫn hoạt động tự học cho học sinh

Mỗi bài học được cấu trúc gồm 6 phần. Mỗi phần được kí hiệu bằng một logo đặc trưng (hình ảnh quy ước chỉ dẫn hoạt động). Nội dung và mục đích của từng phần được giới thiệu với GV và HS ngay từ trang 6 của SGK Tự nhiên và Xã hội 2. Điều này tạo điều kiện thuận lợi để HS có thể quan sát các logo, kết hợp với kênh hình và kênh chữ (yêu cầu lệnh hoạt động) được thể hiện trong bài, HS có thể định hướng và tự tổ chức hoạt động học tập phù hợp trong từng bài học.

Mở đầu bài học là những yêu cầu HS cần đạt sau khi học xong bài. Với HS lớp 2, khả năng đọc được yêu cầu cần đạt còn hạn chế, tuy nhiên trong quá trình tổ chức dạy học, GV và phụ huynh có thể đồng hành cùng HS, giúp các em định hướng và nhận biết các hoạt động học tập trong bài.

2. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2

2.1. Cấu trúc sách

Thời lượng thực hiện chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 2 là 70 tiết/ năm học, dạy trong 35 tuần. Ước lượng tỉ lệ % số tiết dành cho các chủ đề ở lớp 2 như sau:

Chủ đề	Tỉ lệ % trong chương trình	Dự kiến số tiết thực hiện trong SGK
Gia đình	13%	10
Trường học	12%	8
Cộng đồng địa phương	16%	11
Thực vật và động vật	16%	10
Con người và sức khỏe	20%	15
Trái Đất và bầu trời	13%	10
Đánh giá định kì	10%	6

Cấu trúc SGK Tự nhiên và Xã hội 2 gồm ba phần:

a. Phần mở đầu

– Lời nói đầu: Trình bày khái quát nội dung 6 chủ đề và mục đích của việc học và sử dụng cuốn SGK Tự nhiên và Xã hội 2.

– Mục lục.

– Hướng dẫn sử dụng sách: Đưa ra các hình ảnh quy ước chỉ dẫn các hoạt động và mô tả khái quát, trình bày ý nghĩa của các hình ảnh chỉ dẫn hoạt động trong bài để HS làm quen với cách tiếp cận và làm việc với SGK mới. Nội dung hướng dẫn sử dụng sách được thể hiện qua bảng sau:

Hình ảnh quy ước chỉ dẫn hoạt động (Logo)	Ý nghĩa
	Yêu cầu cần đạt
	Hoạt động khởi động
	Hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức và tìm hiểu
	Hoạt động hình thành, phát triển năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng
	Em cần biết
	Từ khoá

b. Phần nội dung

Gồm 6 chủ đề theo nội dung chương trình môn học:

Chủ đề 1: Gia đình

Chủ đề 2: Trường học

Chủ đề 3: Cộng đồng địa phương

Chủ đề 4: Thực vật và động vật

Chủ đề 5: Con người và sức khỏe

Chủ đề 6: Trái Đất và bầu trời

Mỗi chủ đề có cấu trúc thống nhất, gồm ba phần như sau: Trang chủ đề; Các bài học trong chủ đề; Ôn tập chủ đề.

c. Phần cuối sách

Là bảng tra cứu thuật ngữ, giúp HS hệ thống các thuật ngữ quan trọng trong bài học và dễ dàng tra cứu khi cần thiết, bước đầu hình thành kỹ năng đọc sách cho HS.

2.2. Cấu trúc bài học

Sách gồm 29 bài học (bao gồm cả các bài ôn tập chủ đề). Mỗi bài học được xây dựng với cấu trúc là một chuỗi các hoạt động học tập của HS, thể hiện rõ quan điểm dạy học phát triển năng lực và dạy học tích hợp, đồng thời đảm bảo cấu trúc bài học theo tiêu chuẩn SGK quy định tại Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT.

Mỗi bài học được trình bày theo cách tiếp cận gắn với những năng lực đặc thù và gợi ý GV tổ chức dạy học trong 1 tiết, 2 tiết hoặc 3 tiết. Ở mỗi tiết, đều có cấu trúc thống nhất, bao gồm:

a. Phần mở đầu

Là những yêu cầu cần đạt và hoạt động khởi động.

– *Yêu cầu cần đạt* trong mỗi bài học: Nhằm định hướng người đọc, nêu ngắn gọn các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HS mà bài học hướng tới.

– *Hoạt động khởi động*: Là những câu hỏi vấn đề hoặc bài hát, trò chơi,... gợi sự tò mò, kích thích hứng thú và huy động kinh nghiệm, kiến thức đã có của HS để bắt đầu bài học.

b. Phần nội dung chính

Là phần kiến thức mới, luyện tập và vận dụng. Các nội dung này được trình bày xen kẽ nhau thông qua những hoạt động học tập được tổ chức theo cách tiếp cận hướng đến những nhóm năng lực đặc thù của môn Tự nhiên và Xã hội.

– *Hoạt động phát triển năng lực nhận thức khoa học và năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh*: Dựa vào quan sát, thực hành sắp xếp, phân loại hoặc trải nghiệm các kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm thực tiễn, HS nêu và nhận biết một số sự vật, hiện tượng, có khả năng đặt câu hỏi, quan sát, nhận xét về đặc điểm bên ngoài của các sự vật, hiện tượng xung quanh. Chú ý đến tâm sinh lý cũng như trình độ của HS lớp 2, các năng lực Nhận thức và năng lực Tìm hiểu được gộp chung trong một loại hình hoạt động, tránh gây bối rối cho HS.

– *Hoạt động phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học*: Yêu cầu HS liên hệ thực tế, phân tích một tình huống, giải quyết một vấn đề có liên quan và đưa ra cách ứng xử phù hợp.

c. Phần kết bài học

Là những câu văn hoặc câu ca dao, tục ngữ ngắn gọn thể hiện nội dung cần biết và những từ khoá được nhấn mạnh trong bài học.

– *Nội dung Em cần biết*: Để HS có cơ hội nắm những nội dung chính, trọng tâm của bài học. Nội dung này được khuyến nghị để cho HS tập đọc theo GV vào cuối tiết học, nhằm giúp HS tập trung vào một nội dung cơ bản hoặc giá trị sống cần nhấn mạnh trong bài, qua đó tăng cường khả năng đọc câu chữ tiếng Việt mà không yêu cầu HS phải thuộc lòng các nội dung này.

– *Từ khoá*: Trước khi kết thúc bài học, HS sẽ tập đọc các từ khoá của bài để khắc sâu một số từ quan trọng trong bài học, rèn kỹ năng đọc và nhớ từ tiếng Việt.

3. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2

3.1. Phương pháp dạy học

a. Định hướng chung về việc sử dụng phương pháp dạy học

Xuất phát từ định hướng chung về phương pháp giáo dục nêu tại chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, đặc biệt quán triệt quan điểm lấy người học làm trung tâm, chú trọng phát triển phẩm chất và năng lực của người học, khi dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, GV nên lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học theo các định hướng cơ bản sau:

- Tổ chức cho HS được quan sát.
- Tổ chức cho HS được tương tác.
- Tổ chức cho HS được trải nghiệm.
- Lựa chọn và phối hợp sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau theo hướng linh hoạt, phù hợp, sáng tạo.

b. Các nhóm phương pháp dạy học phù hợp với việc bồi dưỡng phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Tự nhiên và Xã hội 2

Tùy từng phần và nội dung của bài học, khi được trình bày với những mục đích khác nhau, thì GV có thể khai thác và lựa chọn sử dụng những phương pháp dạy học đặc trưng khác nhau.

Để bồi dưỡng phẩm chất cho HS thông qua dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2, GV có thể khai thác nội dung các bài học phù hợp. Trong một số bài, các phẩm chất chủ yếu cũng được nhấn mạnh trong mục *Em cần biết*, gợi ý cho GV sử dụng phương pháp đàm thoại, gợi mở – vấn đáp và thảo luận nhóm để rút ra những giá trị nhân văn và bài học về cách ứng xử phù hợp với bạn bè, thầy cô, các thành viên trong gia đình, cộng đồng và môi trường tự nhiên xung quanh. Bên cạnh đó, thông qua việc tổ chức các hoạt động quan sát, điều tra, khám phá, giải quyết vấn đề có liên quan đến môi trường tự nhiên và xã hội, HS cũng được hình thành tình cảm yêu quý, trân trọng gia đình, bạn bè, cộng đồng; yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ môi trường tự nhiên; có ý thức giữ vệ sinh cá nhân, thực hiện các quy tắc bảo vệ sức khỏe và an toàn cho bản thân, gia đình, bạn bè và những người xung quanh; có ý thức sử dụng tiết kiệm, giữ gìn, bảo quản những đồ dùng,

vật dụng của gia đình, xã hội; có ý thức chăm sóc, bảo vệ thực vật và động vật, giữ vệ sinh môi trường; có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được vào cuộc sống; tham gia các công việc gia đình, trường lớp, cộng đồng vừa sức với bản thân.

Để hình thành và phát triển các nhóm năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, GV có thể khai thác và tăng cường sử dụng những nhóm phương pháp dạy học có nhiều tiềm năng:

– Năng lực tự chủ và tự học: Tổ chức cho HS tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện trước và trong quá trình học tập ở trên lớp. Những phương pháp có thể góp phần phát triển ở HS năng lực này thông qua dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2: phương pháp đàm thoại, phương pháp dạy học theo dự án, phương pháp điều tra, phương pháp làm việc cá nhân,...

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tăng cường cơ hội cho HS được nói, trao đổi với bạn qua các hoạt động làm việc nhóm. Tất cả các bài trong SGK môn Tự nhiên và Xã hội 2 đều có thể khai thác và sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, tổ chức trò chơi để góp phần hình thành và phát triển năng lực này cho HS. Ngoài ra, trong một số bài học, năng lực này còn được tăng cường và nâng cao hơn khi GV sử dụng kết hợp thảo luận nhóm với điều tra, dự án,...

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực này được phát triển qua các hoạt động xây dựng kiến thức mới; luyện tập, thực hành; vận dụng vào các tình huống thực tiễn. Để hình thành và phát triển năng lực này, khi sử dụng SGK môn Tự nhiên và Xã hội 2, GV có thể khai thác các phương pháp: thí nghiệm, dự án, tổ chức trò chơi, đóng vai, dạy học nêu vấn đề,...

Đối với các nhóm năng lực khoa học:

– Năng lực nhận thức khoa học và tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội: GV sử dụng phương pháp quan sát, gợi mở – vấn đáp, kể chuyện, thảo luận nhóm, thực hành, điều tra đơn giản nhằm huy động hiểu biết và kinh nghiệm đã biết của HS; quan sát và so sánh, phân loại các sự vật, hiện tượng, các mối quan hệ của chúng trong tự nhiên và xã hội,... Từ đó khái quát, hệ thống hoá kiến thức, kết nối những điều đã học, đã biết để rút ra những tri thức khoa học mới và những giá trị nhân văn sâu sắc.

– Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người, xã hội trong môn học: GV có thể sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, đàm thoại, tổ chức trò chơi, đóng vai,... Những phương pháp này tạo cơ hội cho HS được vận dụng những điều đã học để giải quyết các nhiệm vụ học tập trong bối cảnh tình huống thực tế đời sống, vừa sức với HS.

3.2. Hình thức tổ chức dạy học

Cũng như các môn học khác, bài lên lớp được coi là hình thức tổ chức dạy học cơ bản của môn Tự nhiên và Xã hội nói chung và môn Tự nhiên và Xã hội 2 nói riêng. Bên cạnh hình thức tổ chức dạy học này, việc dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2 còn có các hình thức tổ chức dạy học khác: dạy học ngoài hiện trường, tham quan.

a. Bài lên lớp

Các bài học trong SGK Tự nhiên và Xã hội 2 được gọi ý dạy trong 1, 2 hoặc 3 tiết. Mục tiêu và cấu trúc bài lên lớp của mỗi tiết trong phần lớn các bài học về cơ bản là giống nhau, cụ thể như sau:

Mục tiêu chủ yếu của bài lên lớp ở mỗi tiết là giúp HS hình thành và phát triển năng lực nhận thức khoa học, tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học để liên hệ, giải thích và đưa ra cách giải quyết vấn đề phù hợp trong những tình huống thực tiễn có liên quan đến bài học.

Để đạt được mục đích trên, bài lên lớp của mỗi tiết có cấu trúc chung gồm các phần như sau:

- Hoạt động khởi động và khám phá;
- Hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức, tìm hiểu;
- Hoạt động vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học;
- Em cần biết.

Ngoài ra, trong tiết 1 còn có thêm *Yêu cầu cần đạt* để định hướng GV và HS về một số phẩm chất và năng lực chủ yếu cần đạt được trong bài. Trong một số bài học, tiết 2 hoặc tiết 3 có cấu trúc linh hoạt hơn, có bài tiết 2 (hoặc tiết 3) có đầy đủ các hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức, tìm hiểu; hoạt động vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, có bài chỉ có các hoạt động vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Đặc biệt, cuối tiết 2 (hoặc tiết 3), sau khi rút ra được nội dung *Em cần biết*, còn có hoạt động chỉ dẫn HS đọc các từ khoá, nhằm bổ sung và tăng vốn từ vựng và thuật ngữ khoa học cho HS.

Giữa bài lên lớp ở tiết 1 và tiết sau có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau: tiết 1 là cơ sở cho việc tổ chức các hoạt động học tập ở tiết sau và tiết sau bổ sung, củng cố và phát triển nội dung học tập ở tiết 1. Do đó, cuối tiết 1 thường có các hoạt động tiếp nối sau bài học, các hoạt động này thường có mối quan hệ gắn bó và tạo tiền đề để tổ chức các hoạt động học tập cho HS ở tiết sau.

Trong quá trình dạy học bài lên lớp, GV có thể kết hợp sử dụng các hình thức học tập toàn lớp (khi cần định hướng về yêu cầu cần đạt của bài học, những kết luận chính, giải thích những nội dung kiến thức khó, trừu tượng,...); học tập theo nhóm (khuyến khích sử dụng trong phần lớn các hoạt động dạy học, tạo cơ hội cho HS được tương tác, nhằm hình thành và phát triển năng lực nhận thức khoa học, tìm hiểu môi trường tự nhiên,

xã hội và vận dụng kiến thức, kỹ năng bài học trong một số trò chơi, đóng vai,...); học tập cá nhân (khi quan sát, trả lời câu hỏi của GV và bạn học, thực hành các nhiệm vụ học tập và rèn luyện bản thân,...).

b. Dạy học tại hiện trường (dạy học ngoài lớp)

Dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2 không chỉ được tiến hành ở trong khuôn khổ của lớp học, mà cần được tổ chức tại hiện trường. Hiện trường ở đây là những không gian liên quan đến bài học. Tùy theo điều kiện môi trường học tập và khả năng thực tế của từng trường và địa phương, những hiện trường có thể được khai thác, sử dụng trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2 là: sân trường, vườn trường, khu vực xung quanh trường học, một số công trình công cộng gần trường,...

Tùy theo đối tượng và nội dung bài học của môn Tự nhiên và Xã hội 2 mà GV có thể lựa chọn để tổ chức hình thức dạy học này cho HS. Một số bài của môn Tự nhiên và Xã hội 2 có thể được tiến hành dạy học tại hiện trường như: An toàn và giữ vệ sinh khi tham gia các hoạt động ở trường, Đường giao thông, Tham gia giao thông an toàn, Hoạt động mua bán hàng hoá, Thực vật sống ở đâu, Động vật sống ở đâu, Bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật, Thực hành tìm hiểu môi trường sống của thực vật và động vật.

c. Tham quan

Hình thức tổ chức dạy học này giúp HS có điều kiện trực tiếp quan sát các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội một cách tổng quát, gắn kết, tổng hợp các kiến thức, kỹ năng được học của nhiều bài học trong mối quan hệ logic, gắn liền với thực tiễn cuộc sống.

Trong quá trình dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2, GV có thể tổ chức cho HS được tham quan một số nơi như:

- Trường tiểu học khác ở trong vùng hoặc ở địa phương khác để HS có sự mở rộng, so sánh các khu vực và hoạt động diễn ra tại các lớp học, trường học khác nhau.
- Một số khu vực công cộng: công viên, siêu thị, nhà máy,... để HS quan sát và hiểu hơn về công việc và hoạt động của mọi người xung quanh.
- Vườn bách thú, khu du lịch sinh thái, rừng quốc gia,... để HS quan sát và thấy được sự đa dạng, phong phú của thế giới tự nhiên, thực vật và động vật xung quanh.

4. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2

4.1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

Một số đặc trưng của đánh giá phẩm chất, năng lực trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2:

- Quan tâm đánh giá phẩm chất của HS, chú trọng đến năng lực cá nhân, khuyến khích học sinh thể hiện cá tính và năng lực bản thân. Các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm của HS được đánh giá chủ yếu là bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS khi tham gia các hoạt động học tập của bài học.

– Đa dạng hoá các hình thức và công cụ đánh giá HS: Đánh giá qua lời nói, trả lời câu hỏi; Đánh giá qua phiếu bài tập, bài tự luận, trắc nghiệm,...; Đánh giá các sản phẩm quan sát, thực hành của nhóm, cá nhân; Đánh giá qua việc quan sát HS tham gia các hoạt động; Đánh giá qua sự phản hồi của các lực lượng giáo dục,...

– Kết hợp đánh giá quá trình làm việc cá nhân với đánh giá sự hợp tác và làm việc nhóm, tập thể của HS.

– Không chỉ quan tâm đến kết quả của hoạt động mà còn chú trọng đến quá trình tạo ra sản phẩm của hoạt động, coi trọng ý tưởng sáng tạo, tinh thần làm việc để tạo ra sản phẩm trong quá trình học tập. Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên với đánh giá định kì sau từng chủ đề nhằm điều chỉnh quá trình dạy học.

– Trọng tâm đánh giá môn học nhấn mạnh đến đánh giá năng lực của người học.

– Khuyến khích tự đánh giá và đánh giá chéo của cá nhân và các nhóm HS ở những thời điểm khác nhau trong quá trình dạy học. Đặc biệt là đánh giá cuối hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức khoa học, tìm hiểu môi trường tự nhiên, xã hội và cuối hoạt động hình thành, phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

4.2. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh trong môn Tự nhiên và Xã hội 2

a. Đánh giá các nhóm năng lực chung

– Năng lực tự chủ và tự học: Được đánh giá chủ yếu thông qua việc quan sát hành động, những việc làm của HS trong quá trình học tập như: quá trình HS tự tìm kiếm, chuẩn bị và lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập trước giờ học môn Tự nhiên và Xã hội ở trên lớp; quá trình tự giác tham gia và thực hiện các hoạt động học tập cá nhân trong giờ học ở trên lớp,...

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Đánh giá thông qua quan sát hoạt động học tập nhóm của người học, khả năng phân công và phối hợp giữa các HS để hoàn thành nhiệm vụ học tập của môn Tự nhiên và Xã hội được tổ chức ở trong và ngoài lớp học.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đánh giá thông qua việc HS đề xuất và đưa ra các phương án trả lời cho các câu hỏi, bài tập xử lí tình huống, vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học môn Tự nhiên và Xã hội để giải quyết các vấn đề thường gặp trong cuộc sống hằng ngày.

b. Đánh giá năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội

Căn cứ vào những biểu hiện cụ thể của năng lực khoa học trong môn Tự nhiên và Xã hội, GV có thể thiết kế các câu hỏi, các bài tập để đánh giá năng lực khoa học của HS.

– Năng lực nhận thức khoa học: Có thể đánh giá thông qua việc yêu cầu HS nêu, mô tả, trình bày được một số sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội xung quanh; so sánh, lựa chọn và phân loại được các sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và xã hội theo một số tiêu chí.

– Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh: Có thể đánh giá thông qua việc HS đặt được câu hỏi, nêu thắc mắc về một số sự vật, hiện tượng; quan sát và tiến hành được các thao tác thực hành để nhận xét về đặc điểm của các sự vật, hiện tượng và mối quan hệ giữa chúng trong tự nhiên và xã hội.

– Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Có thể đánh giá thông qua việc HS giải thích, phân tích một số tình huống có liên quan đến bài học; nhận xét, đánh giá cách ứng xử của mọi người xung quanh; nêu và thực hiện được cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống và chia sẻ với mọi người xung quanh cùng thực hiện.

5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2

5.1. Cấu trúc sách giáo viên

Sách giáo viên (SGV) được biên soạn nhằm giúp GV có những hiểu biết cần thiết liên quan đến dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2, hỗ trợ GV thiết kế kế hoạch dạy học trên cơ sở tham khảo những gợi ý trong tài liệu. Qua đó, GV sẽ hiểu rõ và thực hiện được chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 2, nâng cao hiệu quả sử dụng SGK, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2.

SGV được cấu trúc gồm 2 phần:

a. Một số vấn đề chung về dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 2

Phần này giới thiệu khái quát về đặc điểm, quan điểm, mục tiêu xây dựng chương trình môn Tự nhiên và Xã hội, ma trận nội dung môn Tự nhiên và Xã hội 2 và những yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học.

b. Gợi ý dạy học các bài trong môn Tự nhiên và Xã hội 2

Đây là nội dung chính, cơ bản của SGV. Nội dung này chiếm phần lớn số lượng các trang trong cuốn sách. Cụ thể phần này trình bày, hướng dẫn gợi ý cho 29 bài học trong SGK môn Tự nhiên và Xã hội 2 thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo của NXBGDVN, nội dung các bài học bám sát chương trình môn học và đáp ứng tất cả các yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

Mỗi kế hoạch dạy học trong SGV gồm 3 phần:

– Mục tiêu: Là kết quả HS cần đạt được khi học xong bài học. Mục tiêu này được cụ thể hoá và bám sát chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 2.

– Thiết bị dạy học: Gợi ý và đưa ra những thiết bị dạy học cho cả GV và HS cần chuẩn bị trong bài. Những thiết bị dạy học này có thể gồm: tranh ảnh, video, đồ dùng, vật thật để HS thực hành, đóng vai; SGK, vở bài tập (VBT),...

– Các hoạt động dạy học: Trình bày rõ những hoạt động được tổ chức ở mỗi tiết nhằm đạt được mục tiêu đã xác định. Trong từng tiết, các hoạt động được gợi ý tổ chức gồm: Hoạt động khởi động, khám phá; Hoạt động hình thành, phát triển năng lực nhận thức,

tìm hiểu; Hoạt động vận dụng kiến thức kĩ năng đã học; Hoạt động tiếp nối sau bài học. Trong từng hoạt động, có 4 yếu tố được trình bày:

+ Tên hoạt động: Có thể được đặt tên theo mục tiêu, nội dung hoặc phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động.

+ Mục tiêu của hoạt động: Là những mục tiêu chi tiết phù hợp với mục tiêu đã được xác định ở phần mục tiêu chung của bài ở phía trên.

+ Cách tiến hành hoạt động: Trình bày cụ thể các bước tiến hành, gợi ý những cách tổ chức khác hoặc những lưu ý, chỉ dẫn thêm cho GV khi tổ chức hoạt động dạy học.

+ Kết luận của hoạt động: Phù hợp với mục tiêu của hoạt động và thống nhất, cụ thể hoá với mục tiêu mà hoạt động đặt ra.

5.2. Sử dụng sách giáo viên hiệu quả

Đối với GV tiểu học, SGK là tài liệu bổ trợ quan trọng, giúp định hướng cho GV tổ chức các hoạt động dạy học nhằm đạt được yêu cầu cần đạt của chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 2. Tuy nhiên, dạy học là một quá trình sáng tạo và chương trình môn Tự nhiên và Xã hội là chương trình mở. Trong quá trình soạn SGK, các tác giả không thể dự đoán được tất cả các câu trả lời, các cách xử lý tình huống của học sinh, các điều kiện, cơ sở vật chất của tất cả các trường,... Do đó, để sử dụng SGK môn Tự nhiên và Xã hội 2 hiệu quả, các cán bộ quản lí và GV đứng lớp cần chú ý một số điều cơ bản sau:

– Nội dung các bài soạn trong SGK chỉ là những gợi ý, không bắt buộc tất cả các GV phải làm theo. GV không nên vận dụng một cách máy móc vì có những hoạt động dạy học có thể không phù hợp với đối tượng HS và điều kiện cơ sở vật chất của trường mình.

– Vận dụng sáng tạo và phát triển những ý tưởng, gợi ý được đưa ra trong SGK. Dựa trên những gợi ý này, GV có thể thiết kế lại kế hoạch bài học sao cho phù hợp với tính chất của bài; khả năng của HS; điều kiện cơ sở vật chất thực tế của trường, của địa phương. Cụ thể là: có thể xác định lại các mục tiêu của bài học; lựa chọn và thiết kế lại các hoạt động dạy học; vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo cách khác,...

– Sự sáng tạo và phát triển kế hoạch dạy học của GV phải đảm bảo yêu cầu cần đạt của chương trình môn Tự nhiên và Xã hội 2.